

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Cầu, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 3/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng lấy nước Đá Gân (cổng 10 cửa)	Trời nắng nhẹ, $t^{\circ} = 18^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 63%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy mạnh, mực nước đầy. Cổng mở 4 cửa. Nước từ khu khai thác quặng màu nâu đỏ chảy nhập vào hệ thống ở thượng lưu cổng.	Nước màu nâu đỏ.	8.05	56.8	4.65	0.1	0.008	0.430	22.4	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng điều tiết Lữ Yên	Trời nắng, $t^{\circ} = 21^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 60%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy nhanh ($v = 0.5 \text{ m/s}$), cổng mở thông 2 cánh.	Nước màu nâu đục.	7.9	21.9	4.65	0.1	0.031	0.443	226	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết	Trời nắng, $t^{\circ} = 21^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 50%, gió BDB 10	Nước màu	7.9	15.1	5.04	0.1	0.031	0.509	227	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15			
		Lữ Vân	km/h. Dòng chảy ri ($v = 0.05$ m/s), công mở hé 2 cánh. Nhiều váng bẩn nổi ở thượng lưu công.	xanh lục.									Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Công điều tiết Vân Cầu	Trời nắng, $t^{\circ} = 23^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 45%, gió BDB 14 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, $H_{TL} = 11.9$ m. Có nhiều rác đọng ở thượng lưu công.	Nước màu xanh lục.	8.08	9.7	6.9	0.1	0.023	0.594	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
5	5	Công điều tiết Bì Nội	Trời nắng, $t^{\circ} = 24^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 44%, gió BDB 14 km/h. Không có dòng chảy, công đóng. Nhiều váng bẩn đọng ở thượng lưu công.	Nước màu xanh lục.	7.97	25.7	6.6	0.1	0.016	0.587	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
6	6	Công điều tiết Mỏ Thỏ	Trời nắng, $t^{\circ} = 24^{\circ}\text{C}$, độ ẩm 45%, gió BDB 14 km/h. Dòng chảy ri, công mở 1 cánh, nước cạn.	Nước màu vàng xanh.	8.01	37.7	6.92	0.1	0.023	0.585	225	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
7	7	Cổng điều tiết Điểm Tổng	Trời nắng, mát, ít mây, gió nhẹ. Cổng đóng, không có dòng chảy, mực nước trung bình.	Nước màu xanh lục.	7.9	15.4	5.93	0.1	0.008	0.738	222	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Cổng lấy nước đầu kênh N2	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 54%, gió BDB 11 km/h. Dòng chảy chậm (v = 0.1 m/s), cổng mở.	Nước màu vàng đục.	8.04	27.6	5.8	0.1	0.039	0.497	225	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cổng điều tiết Lãng Trình	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 55%, gió BDB 11 km/h. Dòng chảy vừa (v = 0.3 m/s), cổng mở.	Nước màu nâu vàng.	7.94	19	5.11	0.1	0.031	0.511	224	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cổng điều tiết Kè Thường	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 35%, gió BDB 10 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở, mực nước trung bình. Thượng lưu cổng có rác đọng.	Nước màu vàng.	8.04	24.7	6.8	0.1	0.047	0.637	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
11	11	Cổng điều tiết Kè Thề	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 34%, gió BĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa (v = 0.2 m/s), H _{HL} = 16 m, cống mở.	Nước màu xanh lục.	8.09	25.6	6.6	0.1	0.093	0.626	223	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Cổng điều tiết Kè Non	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 40%, gió BĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa (v = 0.2 m/s), cống mở 2 cánh, H _{HL} = 14.8m. Thượng lưu và hạ lưu cống có xác động vật, rác thải.	Nước màu xanh lục.	8.04	22.3	6.7	0.1	0.117	0.538	219	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cuối kênh N5 tại chợ Mọc	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 37%, gió BĐB 11 km/h. Dòng chảy vừa (v = 0.2 m/s), mực nước cao.	Nước màu xanh rêu.	7.9	33.7	6.93	0.1	0.163	0.704	224	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Cổng điều tiết An Cập	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 35%, gió BĐB 14 km/h. Dòng chảy nhanh (v = 0.5 m/s), cống mở, H _{TL} = 14.2 m).	Nước màu vàng đục.	7.91	30.9	5.8	0.1	0.039	0.662	227	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni -N (mg/l)	Nitrat -N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
15	15	Cống Kè Tràng trên kênh N3	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 33%, gió BĐB 12 km/h. Dòng chảy chậm (0.1 m/s), cống mở 1 cánh.	Nước màu vàng đục.	7.83	46.2	6	0.1	0.047	0.650	233	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.